

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/9/2022

V/v “Ly hôn giữa ông B với bà N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Trung Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Ngô Văn B, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: khu phố B, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: khu phố B, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre

Ông B có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2022, Bản tự khai, Đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 24/8/2022, nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày:

Ông và bà N kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B, thị xã B (nay là phường A, thành phố B), tỉnh Bến Tre vào ngày 02/01/1989 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến tháng 11/2018, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã với nhau thường xuyên do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Nay tình cảm giữa ông và bà N không còn nên ông xin ly hôn với bà N.

Về con chung: quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà N nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập bà Nguyễn Thị N tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng bà Nguyễn Thị N không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của bà N cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Ngô Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết. Án phí giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Văn B khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị N, quan hệ tranh chấp giữa ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị N là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, bà N đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Ngô Văn B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn ông Ngô Văn B và bị đơn bà Nguyễn Thị N.

[2] Về nội dung: Ông B và bà N tự nguyện kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường B, thị xã B (nay là phường A, thành phố B), tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/01/1989 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông B, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Đến tháng 11/2018, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, gây gổ, cãi vã với nhau thường xuyên do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Nay tình cảm giữa ông và bà N không còn nên ông xin ly hôn với bà N. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông B và bà N nhưng bà N vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với ông B. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất

cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: ông B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng ông B phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: ông B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Ông B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005525 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND Phường A.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương